

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành mẫu biểu sử dụng trong hoạt động thanh tra  
và giải quyết khiếu nại, tố cáo của lực lượng Công an nhân dân**

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN**

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/6/2004;

Căn cứ Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 02/12/1998 và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 15/6/2004 và ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 41/2005/NĐ-CP ngày 25/3/2005 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khiếu nại, tố cáo và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo;

Căn cứ Nghị định số 63/2006/NĐ-CP ngày 23/6/2006 Về tổ chức và hoạt động thanh tra Công an nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 136/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Công an và Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Công an,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này các mẫu biểu dưới đây để sử dụng trong hoạt động thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo của lực lượng Công an nhân dân:

1. Phiếu đề xuất xử lý đơn (Mẫu số 01);
2. Phiếu chuyển đơn (Mẫu số 02);
3. Phiếu hướng dẫn (Mẫu số 03);
4. Thông báo về việc..... (Mẫu số 04);

5. Thông báo về việc gặp gỡ, đối thoại giải quyết khiếu nại (Mẫu số 05);
6. Công văn yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo, giải trình (Mẫu số 06);
07. Quyết định về việc xác minh nội dung khiếu nại, tố cáo (Mẫu số 07);
08. Quyết định về việc giải quyết khiếu nại lần đầu (Mẫu số 08);
09. Quyết định về việc giải quyết khiếu nại lần hai (Mẫu số 09);
10. Quyết định thanh tra (Mẫu số 10);
11. Quyết định về việc gia hạn thời gian thanh tra (Mẫu số 11);
12. Quyết định thay đổi thành viên Đoàn thanh tra (Mẫu số 12);
13. Quyết định trưng cầu giám định (Mẫu số 13);
14. Quyết định niêm phong tài liệu (Mẫu số 14);
15. Quyết định mở niêm phong tài liệu (Mẫu số 15);
16. Quyết định kiểm kê tài sản (Mẫu số 16);
17. Quyết định tạm đình chỉ hành vi vi phạm (Mẫu số 17);
18. Quyết định thu hồi tiền, tài sản (Mẫu số 18);
19. Quyết định về việc huỷ bỏ ..... (Mẫu số 19);
20. Quyết định chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan điều tra (Mẫu số 20);
21. Biên bản họp Đoàn thanh tra, Tổ xác minh (Mẫu số 21);
22. Biên bản công bố quyết định thanh tra (Mẫu số 22);
23. Biên bản về việc gặp gỡ, đối thoại giải quyết khiếu nại (Mẫu số 23);
24. Biên bản làm việc của Đoàn thanh tra, Tổ xác minh (Mẫu số 24);
25. Biên bản niêm phong tài liệu (Mẫu số 25);
26. Biên bản mở niêm phong tài liệu (Mẫu số 26);
27. Biên bản kiểm kê tài sản (Mẫu số 27);
28. Biên bản giao nhận thông tin, tài liệu (Mẫu số 28);
29. Báo cáo kết quả xác minh, kết luận nội dung khiếu nại, tố cáo (Mẫu số 29);
30. Báo cáo kết quả thanh tra (Mẫu số 30);
31. Kết luận thanh tra (Mẫu số 31);
32. Biên bản công bố kết luận thanh tra (Mẫu số 32);
33. Giấy mời (Mẫu số 33);
34. Giấy báo (Mẫu số 34).

**Điều 2.** Công an các đơn vị, địa phương khi in các mẫu biểu quy định tại Điều 1 Quyết định này phải in đúng nội dung, hình thức và in thống nhất trên khổ giấy A4.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2007 và thay thế Quyết định số 670/2000/QĐ-BCA(V24) ngày 14 tháng 8 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành hệ thống mẫu văn bản và thống kê dùng trong hoạt động thanh tra Công an nhân dân.

**Điều 4.** Chánh Thanh tra Bộ có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Quyết định này.

Các đồng chí Tổng cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ trưởng, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*Nơi nhận:*

- Thanh tra Chính phủ;
- Các đ/c Thứ trưởng (biết để chỉ đạo);
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Lưu: VT. V24, V19.

**BỘ TRƯỞNG**



**Đại tướng Lê Hồng Anh**